

**Bản thảo dành cho
Hội Thảo Hà – Đà Nẵng 28-30/7/2005
Xin tuyệt đối không đăng lại nơi khác
(trích đoạn hoặc toàn phần)**

TÀI NGUYÊN ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA VIỆT NAM

Vũ Hồng Lâm

Tóm tắt: “Tài nguyên địa chính trị” là một khái niệm ít được dùng nhưng bản thân tài nguyên địa chính trị lại được khai thác và sử dụng thường xuyên. Vận mệnh của một dân tộc, sự thịnh suy của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên địa chính trị của quốc gia ấy, vào khả năng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên đó. Sau khi điếm qua mối quan hệ giữa tài nguyên địa chính trị và lịch sử của Việt Nam trong quá khứ, bài viết phân tích nguồn tài nguyên địa chính trị của Việt Nam trong hiện tại, qua đó làm rõ những tiềm năng chiến lược của Việt Nam trong giai đoạn đầu thế kỷ 21. Phân tích có hệ thống nguồn tài nguyên địa chính trị của Việt Nam sẽ giúp nhận ra những cơ hội và thách thức đi kèm với chúng, từ đó cho phép đề xuất một số phương hướng nhằm tận dụng, bảo vệ và tăng cường nguồn tài nguyên địa chính trị của đất nước.

Sơ lược về tài nguyên địa chính trị

Người ta thường nói đến “tài nguyên thiên nhiên”, “tài nguyên khoáng sản”, “tài nguyên nước”, v.v. nhưng ít khi nói đến “tài nguyên địa chính trị”. Song điều đó không có nghĩa là con người không biết khai thác và sử dụng tài nguyên địa chính trị. Ngược lại là đằng khác. Tài nguyên địa chính trị là một nguồn lực có tầm quan trọng chiến lược đối với các quốc gia và các địa phương.

Ở đây sẽ định nghĩa tài nguyên địa chính trị của một khu vực là những lợi thế có được do địa lý—cả tự nhiên lẫn nhân văn—của khu vực đó trên bản đồ chính trị quốc tế. Như vậy, tài nguyên địa chính trị của một nước là sự kết hợp của địa thế, tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn của nước đó với những vận hội mà cục diện chính trị và kinh tế quốc tế mở ra cho nước đó. “Địa thế” và “vận hội” tuy có thể coi là hai nguồn tài nguyên địa chính trị khác nhau nhưng *tài nguyên địa chính trị luôn là sự kết hợp của hai nguồn ấy.*

Tài nguyên địa chính trị có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với vận mệnh của một nước. Người ta thường nghĩ một nước giàu có là nhờ khoáng sản phong phú hoặc dân cư cần cù nhưng trong nhiều trường hợp, chính tài nguyên địa chính trị là yếu tố có tầm quan trọng số một trong việc quyết định sự phồn thịnh của một quốc gia. Hai ví dụ tiêu biểu là Hồng Kông và Singapore và một phản ví dụ là Congo (Kinshasa). Congo Kinshasa là nước rất giàu tài nguyên khoáng sản, với trữ lượng kim cương và nhiều loại quặng quý khác đứng hàng đầu thế giới, nhưng cho đến nay vẫn là một trong những nước nghèo nhất trên địa cầu. Trong khi đó thì Hồng Kông và Singapore đều không có chút tài nguyên thiên nhiên gì, ngoài một vị trí trung chuyển rất thuận lợi trên con đường biển nối giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương (Singapore) và một vị trí vừa trung chuyển trên con đường giao thương nối trên vừa là cửa ngõ của thế giới vào Trung Quốc (Hồng Kông).

Một ví dụ nữa về tầm quan trọng của tài nguyên địa chính trị là Hoa Kỳ. Quốc gia này trải dài từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương và đồng thời cũng được hai đại dương ấy ngăn cách khỏi đại lục Á-Âu. Chính vị trí độc đáo đó đã giúp Hoa Kỳ không bị tàn phá trong hai cuộc chiến tranh thế giới và vươn lên thành cường quốc mạnh nhất hành tinh. Tài nguyên địa chính trị của Hoa Kỳ (vị trí trải dài giữa hai đại dương nhưng tách rời đại lục Á-Âu, khối di dân đa chủng, tư tưởng tự do và tâm lý tiến thủ, v.v.) rất có thể sẽ giúp nước này tránh được số phận của mọi đế quốc đã từng tồn tại trên đại lục Á-Âu, và trở thành đế quốc cuối cùng trên quả đất.

Tài nguyên địa chính trị của Việt Nam trong quá khứ

Suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, nổi lên hai câu hỏi lớn: Tại sao Trung Quốc xâm chiếm Việt Nam và tại sao Việt Nam sau hơn 1000 năm Bắc thuộc vẫn giành được độc lập? Câu hỏi này

dẫn đến câu hỏi: Tại sao nhà Hán xâm chiếm nước Nam Việt (thế kỷ 2 trước CN), và tại sao người Việt giành được độc lập khỏi Trung Hoa (thế kỷ 10 sau CN)?

Cái tại sao của một sự kiện lịch sử luôn là tổ hợp của nhiều nguyên nhân, song trong cả hai sự kiện nói trên, tài nguyên địa chính trị đóng một vai trò hết sức quan trọng. Một lý do lớn khiến nhà Hán xâm chiếm Nam Việt là để kiểm soát con đường giao thương quan trọng đi qua nước này. Hán làm được vì Hán mạnh hơn hẳn, còn Nam Việt dù liên minh với Mân Việt và Điền cũng không thể chống cự được Hán.¹ Một trong những yếu tố quyết định giúp người Việt giành và giữ được độc lập với Trung Hoa từ hồi thế kỷ 10 là vì đất Giao Chỉ-An Nam đã nhường vai trò trạm trung chuyển chính, đầu cầu và cửa ngõ của Trung Hoa với Biển Nam (rời đi ra cả thế giới Nam Á và Trung Đông) cho Quảng Đông từ cuối thời Đường² và vì đất Trung Hoa suốt từ sau khi nhà Đường đổ (thế kỷ 10) cho đến khi lập nhà Nguyên (thế kỷ 13) không còn là một đế quốc duy nhất mà bao gồm nhiều cường quốc xung đột lẫn nhau (từ Ngũ Đại Thập Quốc đến Tống-Kim-Hạ-Liêu-Mông).

Lý do của việc Pháp xâm lược Việt Nam cũng liên quan đến tài nguyên địa chính trị. Quá trình Pháp xâm chiếm Việt Nam liên hệ mật thiết đến sự thám hiểm hai dòng sông Mê Kông và sông Hồng. Trong khi đường vào nội địa Trung Quốc từ các cửa sông Dương Tử (khu vực Thượng Hải) và Tây Giang (khu vực Hồng Kông, Quảng Châu) đã bị các thế lực đế quốc khác kiểm soát, Pháp hy vọng rằng sông Hồng và sông Mê Kông sẽ mở ra những con đường mới đi vào nội địa Trung Hoa. Vì thế, một trong những động cơ chính của việc Pháp chiếm Việt Nam cũng như toàn Đông Dương là nhằm giành quyền kiểm soát một số cửa ngõ quan trọng từ biển đi vào Trung Quốc. Sau khi đã chiếm được Đông Dương, việc mở đường vào nội địa Trung Hoa không được như ý muốn, nhưng Đông Dương lại có ý nghĩa mới: là căn cứ lớn duy nhất của Pháp trên toàn châu Á cũng như ở Thái Bình Dương. Mất Đông Dương, Pháp sẽ không còn tài nguyên địa chính trị để làm một cường quốc toàn cầu. Điều này giải thích tại sao sau Thế chiến thứ 2, Pháp vẫn cố công chiếm lại Đông Dương, và sau khi thất bại ở Điện Biên Phủ, toàn bộ hệ thống thuộc địa của Pháp cũng bắt đầu tan rã. Ý nghĩa địa chính trị của Đông Dương đối với Pháp cũng giải

¹ Xem Sử ký Tư Mã Thiên.

² Tsang Wah-moon, *Tang-tai Ling-nan fa-chan ti heh-hsin hsing*. Hong Kong, 1973, dẫn trong Keith W. Taylor, *The Birth of Vietnam*. Berkeley: University of California Press, 1983: 54f., 299f.

thích tại sao sau này, Pháp là nước lớn phương Tây thân thiện nhất đối với nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam cũng có lý do địa chính trị. Mỹ cho rằng Việt Nam đóng vai trò cửa ngõ từ Trung Quốc đi xuống Đông Nam Á. Do đó mà Mỹ nghĩ ra thuyết đôminô, tức là sau khi Hoa Lục trở thành cộng sản năm 1949, nếu tiếp tục để Việt Nam bị nhuộm đỏ thì phe xã hội chủ nghĩa sẽ lấy đó làm bàn đạp để xích hóa toàn Đông Nam Á. Nhưng thuyết đôminô bị phá sản vì trong thập niên 1960, phe xã hội chủ nghĩa bị phân rã, hai người anh cả Liên Xô và Trung Quốc kinh địch lẫn nhau, cho nên chương trình nhuộm đỏ Đông Nam Á nếu có cũng không thể thực hiện được. Cuối những năm 1960, đầu những năm 1970, tín hiệu của Trung Quốc đánh đi, của Mỹ đánh lại, cuối cùng dẫn đến Thông cáo chung Thượng Hải (1972), Mỹ bắt tay với Trung Quốc, hình thành thế “tam quốc” trong quan hệ nước lớn.

Từ khi Mỹ chơi quân bài Trung Quốc, Việt Nam mất đi ý nghĩa chiến lược trong thế trận toàn cầu của Mỹ. Mỹ vẫn tiếp tục chiến tranh ở Đông Dương, nhưng muốn rút quân của mình khỏi đây, chuyển sang bản địa hóa cuộc chiến. Sau năm 1975 cho đến tận cuối thế kỷ 20, Việt Nam, Đông Dương, và cả Đông Nam Á chỉ còn ý nghĩa chiến lược hạng hai, hạng ba đối với Mỹ. Đó cũng là một lý do vì sao sau khi Liên Xô chủ trương rút khỏi Đông Dương vào cuối thập niên 1980, các cố gắng của Việt Nam nhằm tạo thế cân bằng nước lớn đều thất bại. Trong hoàn cảnh đó, cách duy nhất để nâng ý nghĩa chiến lược của Việt Nam đối với Mỹ, từ đó tạo nên thế cân bằng nước lớn trong quan hệ quốc tế của Việt Nam, là theo chân Đông Âu thay đổi chế độ. Song chẳng ai lại thay đổi chế độ của mình trừ khi thấy nó quá xấu.

Điêm qua lịch sử Việt Nam, có thể thấy các cường quốc bên ngoài can thiệp vào đây chủ yếu vì muốn kiểm soát nguồn tài nguyên địa chính trị gắn với đất nước này. Nếu Việt Nam không tự biết vận dụng hữu hiệu nguồn tài nguyên ấy thì cường quốc bên ngoài sẽ giành lấy quyền kiểm soát chúng. Vận mệnh và lịch sử của cả một dân tộc phụ thuộc vào việc xử lý cuộc tranh chấp tài nguyên địa chính trị giữa các thế lực cả trong và ngoài nước.

Tài nguyên địa chính trị của Việt Nam hiện nay

Tài nguyên địa chính trị của Việt Nam là một tổng thể hết sức đa dạng và phức tạp. Tổng thể ấy cấu thành từ rất nhiều yếu tố. Giá trị và ý nghĩa của từng yếu tố cũng không nhất thành bất biến. Chẳng hạn Việt Nam là một cửa ngõ của Lào và Campuchia ra biển, nhưng yếu tố này quan trọng đến đâu còn tùy theo Lào và Campuchia giàu mạnh đến đâu. Tài nguyên địa chính trị, do đó, không chỉ là *địa thế* như thuyết địa chính trị cổ điển vẫn hiểu, cũng không chỉ là *cục diện* như cách nghĩ của trường phái địa chính trị Kissinger, mà luôn là sự kết hợp của cái “thế” về địa lý tự nhiên và nhân văn, với một bối cảnh chính trị và kinh tế quốc tế nào đó. Chính cục diện chính trị-kinh tế xung quanh Việt Nam sẽ quyết định yếu tố nào là vượt trội, có tầm vóc chiến lược, trong các tài nguyên địa chính trị của Việt Nam.

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới bước vào một thời kỳ mới mà hai đặc điểm lớn nhất là cục diện chính trị bị chi phối bởi cơ cấu “nhất siêu đa cường” và cục diện kinh tế bị chi phối bởi quá trình “toàn cầu hóa”.

Một đặc điểm trung tâm của cơ cấu nhất siêu đa cường là sự hình thành các quan hệ nước lớn đặc thù theo từng khu vực, dẫn đến sự phân chia lại các khu vực trên bản đồ địa chính trị thế giới. Sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc đã khiến cho các khu vực bao quanh nước này, từ Đông Bắc Á, xuống Đông Nam Á, qua Nam Á, rồi lên Trung Á, cùng nằm trong một môi trường an ninh liên hoàn. Các khái niệm “Đông Á” và “châu Á-Thái Bình Dương” rồi đây sẽ được mở rộng, với sự tham gia thêm trước hết của Ấn Độ, sau đó có thể cả các nước khác ở Nam Á và Trung Á. Miền Đông đại lục Á-Âu và miền Tây Thái Bình Dương hợp lại thành một địa bàn chiến lược đặc thù. Vấn đề chiến lược trung tâm của khu vực này là sự trỗi dậy của Trung Quốc, thoát đầu về kinh tế, sau đó kéo theo quân sự.

Quá trình toàn cầu hóa có đặc điểm là thúc đẩy các liên kết khu vực và tiểu khu vực ở các vùng tăng trưởng của nó, cũng như các liên kết xuyên khu vực giữa các vùng tăng trưởng với nhau. Trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay của lịch sử loài người, “Đông Á” hay “châu Á-Thái Bình Dương” là một trong các vùng tăng trưởng nóng. Thoạt đầu chỉ bao gồm các nước ở Đông Bắc Á và Đông Nam Á, ngày nay cả Nam Á và Trung Á đã ngày càng có xu hướng tham gia vào vùng tăng trưởng này. Sự nối liền này càng làm tăng thêm vai trò “động mạch chủ” của tuyến đường biển chạy từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương qua Biển Đông lên Đông Bắc Á, cũng như của những “đầu cầu” từ con đường biển này vào các trung tâm sản xuất trong đất liền.

Trong bối cảnh nói trên, các yếu tố vượt trội, có tầm vóc chiến lược, trong các tài nguyên địa chính trị của Việt Nam là các yếu tố liên quan đến Trung Quốc và con đường hàng hải qua Biển Đông. Từ đó, có thể chia lãnh thổ Việt Nam trên biển và đất liền thành ba tiểu vùng địa chính trị. Khu vực Biển Đông của Việt Nam là một *yết hầu* trên con đường biển thông giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương đi lên Đông Bắc Á. Khu vực Biển Đông cũng là một *then chốt* trên con đường lưu thông giữa Trung Quốc với Ấn Độ Dương và Đông Nam Á. Miền Bắc Việt Nam là một *cửa ngõ* của miền Tây Nam Trung Quốc (chủ yếu là hai tỉnh Vân Nam và Tứ Xuyên) xuống phía nam và thông ra biển. Miền Trung và miền Nam Việt Nam là một *đầu cầu* từ con đường biển “xương sống” của khu vực Đông Á vào các trung tâm sản xuất trên đất liền bán đảo Đông Dương.

Các yếu tố vừa kể sẽ được những thế lực liên quan—trước hết là các cường quốc trong khu vực, các thế lực thị trường, các thế lực Việt Nam—nhìn nhận và đánh giá trên cơ sở nhu cầu, hiểu biết, khả năng và chiến lược của họ, từ đó mà Việt Nam sẽ có những ý nghĩa địa chiến lược khác nhau đối với các thế lực khác nhau.

Tài nguyên địa chính trị của Việt Nam trong bối cảnh Trung Quốc trở dậy

Xét tham vọng và tầm vóc của các nước lớn hiện nay thì Việt Nam đang nằm trong bàn cờ chiến lược của 4 nước lớn là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ.

Trước kia, Việt Nam từng đóng vai trò như là cửa ngõ chính của Trung Quốc thông xuống phía nam. Nhưng đối với Trung Quốc hiện nay, vai trò ấy của Việt Nam đã mờ nhạt dần. Chiến lược của Trung Quốc hiện nay nhằm mở hai đường thông xuống phương nam. Trên biển, Trung Quốc đã chiếm quần đảo Hoàng Sa từ năm 1974 và tiếp tục chiếm một số bãi đá ở quần đảo Trường Sa từ năm 1988. Trên bộ, Trung Quốc kết thân với Myanmar để mượn đường thông ra Ấn Độ Dương. Trung Quốc đã xây dựng căn cứ quân sự ở Myanmar và dự định sẽ xây đường ống dẫn dầu từ cảng nước sâu Sittwe bên bờ vịnh Bengal của nước này lên Vân Nam Trung Quốc. Với việc từng bước lấn chiếm Biển Đông, Trung Quốc muốn tự mình sở hữu cái “*then chốt*” trên con đường biển nối nước họ với Ấn Độ Dương và Đông Nam Á. Vai trò cửa ngõ ra biển của Việt Nam đối với miền Tây Nam Trung Quốc cũng suy giảm sau khi Vân Nam đã mở

đường ra Ấn Độ Dương qua ngã Myanmar, và Quảng Tây tăng cường phát triển các cảng biển của mình trên vịnh Bắc Bộ như Khâm Châu, Phòng Thành và giao thông với Vân Nam. Vai trò chiến lược của Việt Nam đối với Trung Quốc tiếp tục bị hạ thấp sau khi Trung Quốc thiết lập quan hệ “đối tác chiến lược” với Indonesia vào đầu năm nay. Indonesia là nước lớn nhất Đông Nam Á về dân số và diện tích nhưng chủ yếu là có vùng biển nối liền từ Ấn Độ Dương sang Biển Đông. Như vậy, chỉ cần kiểm soát Biển Đông, bắt tay với Myanmar và Indonesia, là Trung Quốc bảo đảm lưu thông tới Ấn Độ Dương, đồng thời có hai gọng kìm để “thuần hóa” Đông Nam Á.

Việc Trung Quốc tăng cường khống chế Biển Đông và gây ảnh hưởng ở Đông Nam Á, trong bối cảnh Trung Quốc đang vươn lên thành cường quốc thế giới và lãnh đạo khu vực, đã khiến các nước lớn Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ đổ dồn con mắt về Biển Đông, Đông Nam Á, và tìm biện pháp đối phó.

Là nước muốn đóng vai trò “lãnh đạo thế giới”, Mỹ đương nhiên coi sự trỗi dậy của Trung Quốc là một mối nguy ở tầm đại chiến lược. Hai nước Nhật Bản và Ấn Độ không nuôi tham vọng toàn cầu nhưng muốn làm cường quốc châu Á, tất nhiên không muốn Trung Quốc nổi lên “lãnh đạo khu vực”. Nhật Bản chọn liên minh chiến lược với Mỹ, đứng dưới sự “lãnh đạo thế giới” của Mỹ để chống lại sự “lãnh đạo khu vực” của Trung Quốc. Ấn Độ tìm một vị trí “tự do” hơn, nhưng chủ đạo cũng là liên minh chiến lược với Mỹ. Trên địa bàn châu Á, nổi lên tranh chấp quyền lãnh đạo khu vực giữa một bên là Trung Quốc và bên kia là trục Mỹ-Nhật-Ấn.

Trong bối cảnh đó, Biển Đông và Đông Nam Á trở thành một địa bàn chiến lược trên bàn cờ quan hệ nước lớn. Biển Đông có tầm quan trọng đặc biệt sống còn đối với Nhật Bản. 90% dầu lửa mà Nhật Bản tiêu thụ và hầu hết hàng hóa giao dịch giữa Nhật Bản với Trung Đông và châu Âu phải qua đây. Chỉ cần Trung Quốc “thực thi chủ quyền” của họ trên Biển Đông, cỗ họng Nhật Bản coi như nằm trong bàn tay Trung Quốc. Đối với Trung Quốc, Biển Đông cũng có tầm quan trọng sống còn. 80% dầu lửa nhập khẩu của Trung Quốc cũng như phần lớn hàng hóa thông thương giữa Trung Quốc với châu Âu và Trung Đông đi qua đây. Biển Đông tuy không sống còn đối với Mỹ nhưng có tầm quan trọng chiến lược. Nó án ngữ con đường ngắn nhất thông từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương, cũng là một “huyết mạch chủ” của kinh tế khu

vực, của Trung Quốc, đối thủ chủ yếu của Mỹ, và Nhật Bản, đồng minh chính của Mỹ, trong khu vực.

Là nước chiếm giữ phân nửa các đảo đã bị chiếm trên quần đảo Trường Sa, đồng thời đóng chốt trên một số bãi ngầm ngoài khơi thềm lục địa Nam bộ, lại có bờ biển chạy dọc theo hải trình quốc tế, Việt Nam là nước có lợi thế nhất về mặt địa lý trong việc khống chế Biển Đông. Trong số các nước Đông Nam Á, Việt Nam là nước tiếp giáp nhiều nhất và chiến lược nhất với Trung Quốc, lại có lịch sử lâu dài nhất và kinh nghiệm dày dặn nhất trong đối xử với Trung Quốc. Do đó, các nước Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ đều muốn Việt Nam đóng một vai trò tích cực và nếu cần, then chốt trong việc bảo đảm an ninh Biển Đông cho họ và muốn Việt Nam đứng về phía họ trong trường hợp tranh chấp nước lớn trở nên gay gắt.

Như vậy, từ cuối thập niên 1990, đầu thập niên 2000, sự trỗi dậy của Trung Quốc đã làm tăng ý nghĩa chiến lược của Biển Đông, Đông Nam Á và Việt Nam trên bàn cờ chiến lược quốc tế. Việt Nam trở nên có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng đối với Nhật Bản. Với Mỹ, Việt Nam cũng từ một chương sử cũ trở thành một vị trí chiến lược. Hai nước này đều muốn Việt Nam trở thành đồng minh quan trọng của họ ở Đông Nam Á. Trong khi ấy thì tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc với Việt Nam trên Biển Đông khiến Việt Nam không thể đóng vai trò đồng minh chiến lược của Trung Quốc trong khu vực. Ngược lại, Việt Nam là vật cản lớn nhất trên con đường nam tiến của Trung Quốc.

Chính sách nam tiến của Trung Quốc là một phần trong đại chiến lược “hòa bình trỗi dậy” của nước này. Con đường này được Trung Quốc chia làm ba giai đoạn:

- giai đoạn đầu gọi là “áp ủ”, hình thức là bảo vệ, tiêu chí là “chủ quyền lãnh thổ không thể bị chia cắt”;
- giai đoạn giữa gọi là “tạo dựng”, hình thức là chủ động, tiêu chí là “thu phục lại những vùng đất đã mất”;

- giai đoạn cuối gọi là “kinh lược”, áp dụng các biện pháp nhằm làm cho cộng đồng quốc tế chấp nhận trật tự chính trị-kinh tế có lợi cho Trung Quốc, tiêu chí là “đạt đến cân bằng và ổn định chiến lược”.³

Trong đoạn kỳ, nhìn nhận thực lực của mình còn hạn chế, Trung Quốc xác định vẫn ở giai đoạn 1. Về trung hạn, vào giai đoạn 2 của “hòa bình trời dậy”, Trung Quốc sẽ tìm cách “thu hồi chủ quyền” trên Biển Đông và Đài Loan. Trong dài hạn, vào giai đoạn 3, Trung Quốc sẽ đảm lãnh vai trò cầm trịch trật tự ở khu vực và thế giới.

Đồng lúc với Trung Quốc, các cường quốc khác cũng có đại chiến lược của mình, mà về cơ bản cũng có thể chia làm ba giai đoạn tương tự như của Trung Quốc. Tuy nhiên, do thực lực mạnh hơn nên Mỹ đã ở giai đoạn 3 và Nhật đã ở giai đoạn 2 trên con đường trời dậy riêng của họ. Mỹ cho việc họ chi phối trật tự thế giới, can thiệp vào các ổ bất ổn là trách nhiệm của họ. Nhật đang tiến tới mở rộng phạm vi hoạt động của lực lượng vũ trang, mở rộng khu vực lợi ích sống còn của họ. Trong khi đó thì Ấn Độ mới đang ở thời kỳ đầu của giai đoạn 1. Tất cả những điều này tạo ra tính phức tạp của một cuộc tranh đua quyền lực nước lớn nhiều giai đoạn cùng một lúc. Việt Nam cần hết sức sáng suốt và quyết đoán để chèo lái thành công trong vùng nước xoáy này.

Tài nguyên địa chính trị của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa

Trong khi cục diện chính trị khu vực có xu hướng phân tán thì cục diện kinh tế lại có xu hướng hội tụ. Các thế lực kinh tế thị trường đang hoạt động rất mạnh tại các nước trong khu vực, tạo ra nhu cầu liên kết và giao thương to lớn giữa các nước, các địa phương. Trong bối cảnh ấy, lợi thế địa lý của Việt Nam do nằm kề “trục lộ xương sống” của kinh tế khu vực, đặc biệt khu vực miền Nam và miền Trung ở vị trí “bản lề” giữa biển và đất liền, ngay tâm hình học của miền Đông Nam châu Á, nếu được phát huy mạnh mẽ sẽ là nguồn tài nguyên vô giá giúp Việt Nam phồn thịnh.

³ Tôn Xa Phong, “Hòa bình trời dậy và chính sách Nam Hải của Trung Quốc”, *Tạp chí Học thuật Đại học Công nghiệp Quảng Đông*, số tháng 3 năm 2005.

Việc phát huy tài nguyên địa chính trị của Việt Nam có thể diễn ra theo hai hướng: 1) làm “cửa ngõ” ra biển của nội địa châu Á, 2) làm “đầu cầu” trên đất liền của con đường giao thương—trên biển và trên không—qua Biển Đông.

Từng phần lãnh thổ Việt Nam có thể đóng vai trò “cửa ngõ” của nội địa châu Á thông ra Thái Bình Dương. Miền Bắc làm cửa ngõ ra biển của miền Tây Nam Trung Quốc. Miền Trung làm cửa ngõ ra biển của Đông Bắc Thái Lan, Lào, có thể cả Myanmar. Miền Nam làm cửa ngõ ra biển của Campuchia. Tuy nhiên, “cửa ngõ” chỉ có thể sầm uất khi nội địa có sức sản xuất mạnh. Xét thực lực của các trung tâm sản xuất trong nội địa nói trên, vai trò “cửa ngõ” chưa phải là một “chìa khóa” cho sự đi lên của Việt Nam. Như vậy, chỉ còn cách là phải “kéo” được các luồng giao thương qua khu vực Biển Đông vào Việt Nam.

Nhìn vào bản đồ, ta thấy Việt Nam có thể hướng tới vai trò “trạm trung chuyển” cho tuyến giao thông biển xuyên khu vực, và vai trò “trục bản lề” miền Đông Nam châu Á (tính cả Nam Trung Quốc, Đài Loan và Đông Ấn Độ). Tuy nhiên, có mấy khó khăn lớn. Một là, vai trò “trục bản lề” chỉ có thể phát huy sau khi Việt Nam đã làm tốt vai trò “cửa ngõ” và “trạm trung chuyển”. Hai là, trong khu vực đã có Hồng Kông và Singapore đóng vai trò trạm trung chuyển. Với điều kiện kỹ thuật và cao trình phát triển hiện nay, khu vực Đông Nam Á không cần có thêm một trung tâm nào nữa cỡ Hồng Kông và Singapore.

Để Việt Nam có thể bứt phá, trở thành một “đầu mối” của con đường giao thương qua Biển Đông, chỉ còn cách là phải liên kết với các đầu mối khác trên con đường này, thông qua chiến lược “lan tỏa”, hình thành nên một đầu mối nữa trên lãnh thổ Việt Nam. Gần đây, Việt Nam đã có những bước đi ban đầu trong việc kết nối kinh tế với Nhật Bản và Singapore. Đây là những bước đi hợp quy luật vì sự cần nhau giữa Việt Nam, Nhật Bản và Singapore ở mức độ khá lý tưởng. Trong viễn tượng nối kết kinh tế giữa ba nước, Việt Nam cần trở thành hậu phương đất liền của Singapore, trung tâm tài chính, dịch vụ, môi giới, nghiên cứu của khu vực Đông Nam Á nhưng thiếu không gian và nhân lực. Mặt khác, Việt Nam phải thu hút tư bản, công nghệ và tri thức của Nhật Bản để trở thành một tụ điểm kinh tế hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á và trên con đường sang không gian châu Á-Ấn Độ Dương.

Trong quá trình phát triển, Việt Nam sẽ phải đối phó với sự chênh lệch tài nguyên địa chính trị giữa các vùng, miền ở trong nước, dẫn đến phát triển mất cân đối giữa các địa phương. Lợi thế của một địa phương không chỉ nhờ “địa lợi”, “nhân hòa” mà còn nhờ “thiên thời”. Lãnh thổ Việt Nam hiện nay đã từng là đầu mối của con đường giao thương qua Biển Đông trong quá khứ. Nhưng vị trí của “đầu mối” ấy dịch chuyển dần theo đà tiến bộ của kỹ thuật giao thông, từ hai đầu mối ở miền Bắc (xứ Giao Chỉ cũ) và miền Nam (xứ Phù Nam cũ), hợp vào một đầu mối ở miền Trung (xứ Chămpa cũ), rồi chuyển vào miền Nam (vùng Đồng Nai-Bến Nghé). Giao Chỉ và Phù Nam thịnh vào nửa đầu thiên kỷ thứ nhất, Chămpa thịnh vào nửa đầu rồi tàn lụi vào nửa sau thiên kỷ thứ hai, cuối cùng nhường vai trò cho miền Đồng Nai-Bến Nghé, để rồi chính miền này cũng phải đấu tranh để khỏi bị bỏ qua, khi các con tàu đi biển không còn bị bắt buộc phải cập bến từng chặng ngắn nữa và khi miền nam bán đảo Đông Dương chưa tự mình là một trung tâm sản xuất mạnh.

Ngày nay, miền Bắc nằm xa con đường hành hải chính qua Biển Đông, lại bị đảo Hải Nam chặn trước mặt, nên không thể trở thành vị trí của một “đầu mối” trên con đường biển ấy. Miền Trung tuy có bờ biển như “bao lon” trên Thái Bình Dương, có nhiều vịnh nước sâu, kín gió, nhưng địa hình chia cắt, tính liên thông với các trung tâm sản xuất khác trong nội địa kém, nên khó phát huy được lợi thế. So với miền Đông Nam Bộ, miền Trung có nhược điểm là không gian phát triển manh mún, phân tán, hậu phương thưa dân, sản xuất yếu, sức mua nhỏ. Bản thân miền Đông Nam Bộ đã là đầu mối của một tiểu khu vực bao gồm cả miền Tây Nam Bộ, miền Trung và Campuchia. Do đó, lợi thế của miền Trung (vị trí “bao lon”, các vịnh nước sâu, kín gió) chỉ có thể được phát huy một cách hiệu quả nếu miền Trung hướng tới gắn mình vào luồng giao thương quốc tế, đầu tư nhắm vào xuất khẩu, không nhất thiết phục vụ thị trường nội địa.

Tài nguyên địa chính trị có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng đối với vận mệnh của một đất nước. Sự thịnh suy của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào khả năng khai thác và tận dụng nguồn tài nguyên địa chính trị. Trong bối cảnh chính trị-kinh tế quốc tế hiện nay, một trật tự thế giới mới đang lộ dạng, trong đó Việt Nam nằm ở một vị trí tương đối trung tâm của tranh chấp nước lớn và liên kết kinh tế của khu vực. Điều này đang đặt ra những thách thức to lớn, nhưng cũng đem lại những vận hội không nhỏ cho Việt Nam.